

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày 04 tháng 03 năm 2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Ngọc Trung, ông Nguyễn Văn Mừng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Hà Xuân Trường - Kiểm sát viên;

Vào ngày 04 tháng 03 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2024/TLST- DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐST- DS ngày 21/01/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐHST- DS ngày 18/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam (AGRIBANK).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Bá G - Phó Giám đốc Chi nhánh (*vắng mặt tại phiên tòa có lý do*)

CCCD số: 038.086.011.154 cấp ngày 20 tháng 09 năm 2021

Địa chỉ: phố Bá Lộc, xã T, huyện B, tỉnh T

(Theo Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHNNo-PC ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng AGRIBANK và Giấy ủy quyền lập ngày 18 tháng 09 năm 2024 tại Ngân hàng AGRIBANK - Chi nhánh Quan Hóa)

Các Bị đơn:

1, Chị Hà Thị B - Sinh năm: 1979 (vắng mặt không lý do)

CCCD số: 038.179.013.034 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2022

2, Anh Phạm Bá C - Sinh năm: 1979 (vắng mặt không lý do)

CCCD số: 038.079.010.676 cấp ngày 02 tháng 10 năm 2021

3, Bà Hà Thị B - Sinh năm: 1953 (vắng mặt có lý do và có ý kiến xin xét xử vắng mặt)

CCCD số: 038.153.019.024 cấp ngày 07/01/2022

4, Chị Phạm Phương L - Sinh năm: 2003 (vắng mặt có lý do và có Đơn xin xét xử vắng mặt)

CCCD số: 038.303.008.325 cấp ngày 14 tháng 08 năm 2019

Đều có địa chỉ: bản Mỏ, xã P , huyện Q , tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 09 năm 2024, Đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 20 tháng 01 năm 2025 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng) trình bày:

Căn cứ và Giấy đề nghị vay vốn và nhu cầu thực tế, Ngân hàng đã đồng ý cho các ông/bà: Hà Thị B , Phạm Bá C , Hà Thị B , Phạm Phương L (đều có địa chỉ: bản Mỏ, xã P , huyện Q , tỉnh T - lần lượt là vợ, chồng, mẹ chồng, con trong gia đình) vay vốn. Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã P , huyện Q ; các ông/bà Hà Thị B , Phạm Bá C , Phạm Phương L , Hà Thị B đã ký kết Hợp đồng ủy quyền vay vốn có nội dung: Anh Phạm Bá C , bà Hà Thị B , chị Phạm Phương L đồng ý ủy quyền cho chị Hà Thị B là người đại diện cho những người trên xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn và đảm bảo tiền vay tại Agribank - Chi nhánh Q . Trường hợp Agribank nơi cho vay phải tiến hành xử lý thu hồi nợ (bao gồm cả xử lý tài sản bảo đảm nếu có) để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bên ủy quyền cam kết tự nguyện bàn giao tài sản cho Ngân hàng Agribank được toàn quyền thu giữ và xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Hợp đồng ủy quyền vay vốn nêu trên có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã P .

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, chị Hà Thị B (thay mặt các đồng Bị đơn khác) ký kết Hợp đồng tín dụng số 3523-LAV-20230.1714 với Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Quan Hóa; theo đó Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho các Bị đơn với nội dung cụ thể:

- + Số tiền cho vay: 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng);
- + Mục đích vay vốn: Mua sắm vật dụng sinh hoạt và sửa chữa nhà ở;
- + Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày vay;
- + Lãi xuất tại thời điểm cho vay: 10.5%/năm. Lãi xuất quá hạn được thỏa thuận bằng 150% lãi xuất trong hạn.
- + Biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng: Không

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 28/04/2024 thì các Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã Thông báo về việc chuyển nợ quá hạn, Thông báo thu hồi nợ quá hạn đến các Bị đơn nhưng các Bị đơn vẫn không có thiện chí khắc phục vi phạm hợp đồng. Do đó, đến ngày 18 tháng 09 năm 2024, Ngân hàng đã làm Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện Q đề nghị Tòa án giải quyết buộc các Bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng và có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng số tiền cụ thể:

+ Số nợ gốc: 279.500.000đ (hai trăm bảy mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng)

+ Số nợ lãi (tạm tính đến ngày 18/09/2024 - theo lãi xuất quá hạn 15,75%): 13.194.616đ (mười ba triệu một trăm chín mươi tư nghìn sáu trăm mười sáu đồng)

Tổng cộng là: **292.694.616đ** (hai trăm chín mươi hai triệu sáu trăm chín mươi tư nghìn sáu trăm mười sáu đồng)

Đồng thời, Ngân hàng còn yêu cầu các Bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày làm Đơn khởi kiện cho đến khi trả hết nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng đã kí kết.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, Nguyên đơn có Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung: Ngày 31 tháng 12 năm 2024, các Bị đơn đã chủ động thanh toán cho Ngân hàng số tiền là: 119.500.000đ (một trăm mười chín triệu năm trăm nghìn đồng). Để tạo điều kiện cho các Bị đơn tiếp tục khắc phục khoản vay, Nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện tương ứng với số tiền nợ đã trả; và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc các Bị đơn liên đới thanh toán số tiền gốc và lãi (tạm tính đến ngày 20/01/2025) là:

+ Tiền gốc: 154.220.000đ (một trăm năm mươi tư triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng)

+ Tiền lãi quá hạn: 22.331.175đ (hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi một nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng)

Tổng cộng là: **176.551.175đ** (một trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm năm mươi một nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng); đồng thời, giữ nguyên yêu cầu các Bị đơn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh từ ngày 21/01/2025 cho đến khi các Bị đơn thực tế trả được hết gốc và lãi theo thỏa thuận.

Đến ngày 23/02/2025, các Bị đơn tiếp tục thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Số tiền gốc còn lại các bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 151.220.000đ. Tiền lãi quá hạn nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn là 24.571đ (hai mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng). Tổng tiền các bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: **175.791.000đ** (Một trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng).

Lời khai của Bị đơn bà Hà Thị B : Bà có biết việc vợ chồng anh C , chị B bàn bạc với nhau để vay tiền Ngân hàng lo công việc gia đình. Hiện tại anh Chung, chị Bích đã đi khỏi địa phương, bà không biết địa chỉ cụ thể nhưng thi thoảng vẫn liên lạc về gia đình. Bà cam kết sẽ giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho các Bị đơn trong thời gian sớm nhất để đến Tòa án làm việc.

Lời khai của Bị đơn chị Phạm Phương L : Chị L xác nhận chị và các thành viên khác trong gia đình đều được ký tên vào Hợp đồng ủy quyền vay vốn. Chị có được bố mẹ trao đổi về việc vay tiền Ngân hàng để sửa nhà và sửa bếp. Chị trình bày hiện anh C và chị B đi làm ăn xa, chị không rõ địa chỉ cụ thể nhưng vẫn thường xuyên liên lạc. Chị thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và cam kết có trách nhiệm liên đới cùng các Bị đơn khác trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận và theo phán quyết của Tòa án.

Kết quả xác minh tại Công an xã P thể hiện: Các Bị đơn trong vụ án hiện đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: bản Mỏ, xã P , huyện Q , tỉnh T . Hiện chỉ có bà Hà Thị B sinh sống tại địa chỉ trên; còn các anh/chị Hà Thị B , Phạm Bá C , Phạm Phương L đều không có mặt tại địa phương.

Quan điểm của Viện Kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có thiếu sót, vi phạm gì;

-Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 288, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Điều 7, 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; chấp

nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Các Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu, xem xét, đánh giá toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Xét quan hệ tranh chấp: Các Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các Bị đơn trả số tiền vay còn nợ theo Hợp đồng tín dụng (là một loại hợp đồng dân sự). Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét điều kiện và thời hiệu khởi kiện: Các Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 28/04/2024; đây cũng là thời điểm phát sinh quyền khởi kiện của các Nguyên đơn. Như vậy, vụ án được giải quyết trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điều 429 BLDS 2015; không phát sinh quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của Bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 184 BLTTDS.

[3] Xét thẩm quyền giải quyết vụ án: Các Bị đơn đều có nơi cư trú tại bản Mỏ, xã Phú Xuân, huyện Q, tỉnh T. Tại Biên bản làm việc do Ngân hàng lập ngày 20/06/2024 (trước thời điểm khởi kiện), các Bị đơn anh Phạm Văn Chung và chị Hà Thị B đã đi khỏi địa phương (bl 42). Việc các Bị đơn đi khỏi địa phương nhưng không thông báo cho Nguyên đơn được biết là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 277 BLDS. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; đây là trường hợp các Bị đơn cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nên Tòa án nhân dân huyện Q vẫn tiếp tục thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền

[4] Xét tư cách tham gia tố tụng của các Bị đơn: Hợp đồng ủy quyền vay vốn lập ngày 20/12/2022 giữa các Bị đơn với nhau có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã P là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo điểm c khoản 1 Điều 91 BLTTDS. Bị đơn bà B khai có biết về việc vợ chồng anh C, chị B vay tiền Ngân hàng để lo công việc (bl 55); Bị đơn chị Phạm Phương L cũng xác nhận các thành viên trong gia đình kí tên vào Hợp đồng ủy quyền nêu trên, mục đích vay tiền để sửa nhà và sửa bếp (bl 57). Như vậy, chứng minh việc chị B đứng tên vay vốn Ngân hàng là để phục vụ lợi ích và nhu cầu chung của các thành viên gia đình, các thành viên khác trong gia đình đều biết và đồng ý. Hợp

đồng ủy quyền vay vốn do đó được giao kết tự nguyện, hợp pháp và có giá trị pháp lý. Từ đó, căn cứ khoản 3 Điều 68 BLTTDS, Điều 288 BLDS; cần xác định anh Phạm Văn C , chị Hà Thị B , chị Phạm Phương L , bà Hà Thị B là các đồng Bị đơn trong vụ án.

[5] Xét việc vắng mặt của các đương sự: Các Bị đơn bà Hà Thị B , chị Phạm Phương L, người đại diện của Nguyên đơn ông Hoàng Bá Giang có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa. Các Bị đơn anh Phạm Bá C , chị Hà Thị B bỏ đi khỏi địa phương, không thông báo cho Ngân hàng và Tòa án được biết. TAND huyện Quan Hóa đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Chung, chị Bích theo đúng quy định nhưng anh chị vẫn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ quy định tại Điều 227, 233, 238 BLTTDS; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án:

[6] Xét việc giao kết hợp đồng tín dụng: Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn và nhu cầu thực tế của các Bị đơn, Nguyên đơn và các Bị đơn đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 3523-LAV-20230.1714 với Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Q; theo đó Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho các Bị đơn với nội dung cụ thể:

- + Số tiền cho vay: 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng);
- + Mục đích vay vốn: Mua sắm vật dụng sinh hoạt và sửa chữa nhà ở;
- + Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày vay;
- + Lãi suất tại thời điểm cho vay: 10.5%/năm. Lãi suất quá hạn được thỏa thuận bằng 150% lãi suất trong hạn.
- + Biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng: Không

Hợp đồng trên được giao kết tự nguyện, hợp pháp; có nội dung phù hợp với lời khai các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác nên có giá trị pháp lý và được pháp luật bảo vệ

[7] Xét việc thực hiện hợp đồng: Đến ngày 28/04/2024, các Bị đơn không tiếp tục trả gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Căn cứ Điều 278, 280, 282 BLDS; thì hành vi trên của các Bị đơn là vi phạm hợp đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc các Bị đơn tiếp tục trả gốc và lãi là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngày 31/12/2024, các Bị đơn đã tự nguyện thanh toán số tiền 119.500.000đ (*một trăm mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*). Do đó, Nguyên đơn đã có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền trên. Xét việc rút một phần yêu cầu của Nguyên đơn là tự nguyện, thực tế; căn cứ khoản 2 Điều 245 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Đến ngày 23/02/2025, các Bị đơn tiếp tục thanh toán được cho nguyên đơn số tiền gốc là 3.000.000đ (*ba triệu đồng*). Số tiền gốc còn lại các bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là **151.220.000đ** (*một trăm năm mươi một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*)

[8] Về lãi suất: Lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng (tại thời điểm kí kết) là 10,5%. Các Bị đơn phải chịu lãi quá hạn (với mức lãi suất bằng 150% lãi xuất trong hạn, tương đương 15,75%) kể từ ngày vi phạm hợp đồng (ngày 28/04/2024) là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466, Điều 468 BLDS và thỏa thuận của các bên tại Điều 2.1 Hợp đồng tín dụng

[9] Về nghĩa vụ trả nợ: Từ những phân tích trên, căn cứ quy định tại Điều 288, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Điều 7, 8 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; xét thấy yêu cầu khởi kiện của các Nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ. Các Bị đơn chị Hà Thị B, anh Phạm Bá C, bà Hà Thị B, chị Phạm Phương L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Nguyên đơn Ngân hàng AGRIBANK, cụ thể:

+ Số tiền gốc: 151.220.000đ (*một trăm năm mươi một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*)

+ Tiền lãi (tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 04/03/2025): 24.571.000đ (*hai mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng*)

Tổng cộng là: **175.791.000đ** (*một trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng*). Đồng thời, các Bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/03/2025) cho đến khi các Bị đơn trả hết gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Về án phí các vấn đề khác trong vụ án:

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 146, 147 BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Bị đơn phải liên đới chịu mức án phí có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

[11] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự vắng mặt có lý do có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ; các đương sự vắng mặt không lý do có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 1 Điều 92, Điều 227, 233, 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 278, 280, 282, 288, khoản 5 Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1, Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện theo Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đề ngày 20/01/2025, tương đương số tiền nợ 119.500.000đ (một trăm mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc các đồng Bị đơn chị Hà Thị Bích, anh Phạm Văn Chung, bà Hà Thị Bội, chị Phạm Phương Ly có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Nguyên đơn số tiền nợ cụ thể:

+ Số tiền gốc: 151.220.000đ (một trăm năm mươi một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Tiền lãi (tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 04/03/2025): 24.571.000đ (hai mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Tổng cộng là: **175.791.000đ** (một trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng).

Các Bị đơn còn phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong, theo mức lãi xuất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3523-LAV-20230.1714 ngày 15/11/2023.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

+ Các Bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.790.000đ (*tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*).

+ Trả lại cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số BLTU/23: 0006554 ngày 08 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q là: 7.317.000đ (*bảy triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự. Nguyên đơn, các Bị đơn bà Hà Thị B, chị Phạm Phương L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Các Bị đơn anh Phạm Văn C, chị Hà Thị B có có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án/.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Q;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh

